

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYỀN QUANG  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **308/SNN-VP**

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 3 năm 2021

V/v hướng dẫn công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Sở.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*Viết tắt là Luật 2015*); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật 2015 (*Viết tắt là Luật sửa đổi, bổ sung*); Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật 2015 (*Viết tắt là Nghị định 34/2016/NĐ-CP*); Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật 2015 (*Viết tắt là Nghị định 154/2020/NĐ-CP*).

Để công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc lĩnh vực ngành được giao chủ trì xây dựng đúng quy trình ban hành VBQPPL và đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Sở quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL của Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, cụ thể như sau:

## **I. QUY TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH**

### **1. Lập đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình.**

Căn cứ quy định tại Điều 27 và Điều 111 Luật 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*) việc lập đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình được xây dựng theo 02 trường hợp như sau:

**Trường hợp 1:** Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc khoản 1, 2 và 3 Điều 27 Luật 2015 quy định một trong các nội dung cụ thể sau:

1) Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên.

2) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên.

3) Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương.

**Bước 1:** Lập hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*), gồm:

(1) Tờ trình về đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ căn cứ ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của nghị quyết; thời gian dự kiến đề nghị HĐND xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

(2) Tài liệu khác (nếu có).

**Bước 2:** Trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết (*các thành phần hồ sơ như hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết tại Bước 1, Trường hợp 1, Mục 1, Phần I Văn bản này*).

**Trường hợp 2:** Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc khoản 4 Điều 27 Luật 2015 quy định “*Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*” thì khi lập đề nghị xây dựng nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo phải thực hiện theo quy định từ Điều 112 đến Điều 116 Luật 2015 (*theo khoản 3, Điều 111 Luật 2015; được sửa đổi, bổ sung tại điểm b, khoản 32 Luật sửa đổi, bổ sung*):

**Bước 1:** Lập đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh, cụ thể:

(1) Xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết; đánh giá tác động của chính sách (*theo Điều 112 Luật 2015; Điều 6 Nghị định 34/2016/NĐ-CP; khoản 3, Điều 1 Nghị định 154/2020/NĐ-CP*);

(2) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Điều 114 Luật 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 53 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*);

(3) Lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết (*theo Điều 113 Luật 2015; Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*).

**Bước 2:** Gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Điều 115 Luật 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại điểm i khoản 53 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*) gồm:

(1) Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; mục tiêu, nội dung chính sách trong dự thảo nghị quyết và các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị HĐND xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết (*theo Mẫu số 02 Phụ lục số V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*).

(2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp;

lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách (*theo Mẫu số 01 Phụ lục số V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*).

(3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

(4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.

(5) Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết.

(6) Tài liệu khác (nếu có).

Lưu ý:

- Tài liệu (1), (2) hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

- Thời hạn thẩm định là 15 ngày kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định. Báo cáo thẩm định được gửi đến cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định.

- Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý đề nghị xây dựng nghị quyết và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo đề nghị xây dựng nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND cấp tỉnh.

**Bước 3:** Trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*), gồm:

(1) Các thành phần hồ sơ như hồ sơ gửi thẩm định nêu tại **Bước 2**, Trường hợp 2, Mục 1, Phần I Văn bản này.

(2) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

**2. Sau khi có Văn bản giao cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết của UBND tỉnh.**

Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo nghị quyết phải kịp thời báo cáo Lãnh đạo Sở phụ trách dự kiến về nội dung xây dựng nghị quyết và Kế hoạch thực hiện chi tiết các công việc có tiến độ thực hiện đảm bảo thời hạn theo quy định; tham mưu ra Quyết định thành lập Tổ soạn thảo xây dựng nghị quyết kèm theo biểu phân công nhiệm vụ chi tiết nêu rõ nội dung công việc, bộ phận chủ trì soạn thảo, bộ phận phối hợp soạn thảo, thời gian hoàn thành công việc. Sau đó thực hiện theo các bước cụ thể như sau:

**Bước 1:** Đơn vị chủ trì soạn thảo tiến hành soạn thảo dự thảo nghị quyết theo quy định tại Điều 119 Luật 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*).

Lưu ý:

- Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật 2015 “*Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*”.

- Đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Luật 2015.

**Bước 2:** Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết theo quy định tại Điều 120 Luật 2015. Đối tượng được lấy ý kiến tham gia bao gồm:

(1) Các cơ quan, tổ chức có liên quan;

(2) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết, theo đó đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và đảm bảo ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản;

(3) Gửi dự thảo nghị quyết cho Sở Thông tin và Truyền thông để đăng tải toàn văn dự thảo nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời hạn ít nhất 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

**Bước 3:** Gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại Điều 121 Luật 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*), gồm:

(1) Tờ trình UBND về dự thảo nghị quyết.

(2) Dự thảo nghị quyết.

(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Luật 2015.

(4) Báo cáo đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật 2015 (nếu có);

(5) Tài liệu khác (nếu có).

Lưu ý:

- Tài liệu (1), (2) hồ sơ dự thảo nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

- Chậm nhất là 25 ngày trước ngày UBND họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Sở Tư pháp để thẩm định.

- Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết, đồng thời gửi báo cáo giải trình,

tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp trước khi trình UBND dự thảo nghị quyết.

**Bước 4:** Trình UBND tỉnh hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại Điều 122 Luật 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*), gồm:

- (1) Tờ trình UBND cấp tỉnh về dự thảo nghị quyết.
- (2) Dự thảo nghị quyết.
- (3) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Luật 2015.
- (5) Báo cáo đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật 2015 (nếu có);
- (6) Tài liệu khác (nếu có).

**Lưu ý:**

- Tài liệu (1), (2), (3) hồ sơ dự thảo nghị quyết trình UBND tỉnh được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.
- Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến UBND tỉnh để chuyển đến các thành viên UBND chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày UBND họp.

## **II. QUY TRÌNH XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH**

### **1. Đối với các Quyết định được UBND tỉnh giao chủ trì soạn thảo**

Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo quyết định phải kịp thời báo cáo Lãnh đạo Sở phụ trách dự kiến về nội dung xây dựng quyết định và Kế hoạch thực hiện chi tiết các công việc có tiến độ thực hiện đảm bảo thời hạn theo quy định; tham mưu ra Quyết định thành lập Tổ soạn thảo xây dựng quyết định kèm theo biểu phân công nhiệm vụ chi tiết nêu rõ nội dung công việc, bộ phận chủ trì soạn thảo, bộ phận phối hợp soạn thảo, thời gian hoàn thành công việc. Sau đó thực hiện theo các bước cụ thể như sau:

**Bước 1:** Đơn vị chủ trì soạn thảo tiến hành soạn thảo quyết định của UBND tỉnh theo quy định tại Điều 128 Luật 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*) nội dung soạn thảo gồm:

- (1) Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội ở địa phương; nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp và tài liệu có liên quan đến dự thảo quyết định.
- (2) Xây dựng dự thảo và Tờ trình dự thảo quyết định.

(3) Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; đánh giá tác động về giới (nếu có).

**Bước 2:** Lấy ý kiến về dự thảo quyết định của UBND tỉnh theo quy định tại Điều 129 Luật 2015. Đối tượng được lấy ý kiến tham gia bao gồm:

(1) Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

(2) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định, theo đó, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và đảm bảo ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản

(3) Gửi dự thảo quyết định cho Sở Thông tin và Truyền thông để đăng tải toàn văn dự thảo quyết định trên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời hạn ít nhất 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

**Bước 3:** Gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo quyết định theo quy định tại Điều 130 Luật 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*), gồm:

(1) Tờ trình UBND về dự thảo quyết định (*thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục số V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*).

(2) Dự thảo quyết định.

(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý.

(4) Báo cáo đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được Luật, Nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; đánh giá tác động về giới (nếu có).

(5) Tài liệu khác (nếu có).

**Lưu ý:**

- Tài liệu (1), (2) hồ sơ dự thảo quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

- Chậm nhất là 25 ngày trước ngày UBND họp, đơn vị chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Sở Tư pháp để thẩm định.

- Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo quyết định, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND dự thảo quyết định.

**Bước 4:** Trình UBND tỉnh hồ sơ dự thảo quyết định theo quy định tại Điều 131 Luật 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 41 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*), gồm:

(1) Các thành phần hồ sơ như hồ sơ gửi thẩm định tại **Bước 3**, Mục 1 Phần II Văn bản này.

(2) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

*Lưu ý:*

- Tài liệu (1), (2) hồ sơ dự thảo quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Bước 3, Mục 1 Phần II Văn bản này và tài liệu (2) hồ sơ dự thảo quyết định trình UBND được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

- Đơn vị chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến UBND tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày UBND họp để chuyển đến các thành viên UBND.

## **2. Đối với các Quyết định không thuộc mục 1, phần II Văn bản này**

Qua theo dõi các VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND cùng cấp có nội dung phân cấp, giao cho UBND tỉnh ban hành VBQPPL; rà soát các quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh còn hiệu lực thi hành, có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình hoặc thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của nhiều cơ quan chuyên môn nhưng do cơ quan, đơn vị mình chủ trì soạn thảo, trình ban hành có nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế thì phải lập đề nghị xây dựng quyết định theo quy định tại Điều 127 Luật 2015.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật 2015, đơn vị chủ trì soạn thảo xây dựng Tờ trình đề nghị xây dựng quyết định trình UBND xem xét, quyết định *(Trong đó: nêu rõ tên gọi, sự cần thiết ban hành, đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của quyết định, dự kiến thời gian ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo. Đối với quyết định quy định những vấn đề được giao quy định chi tiết, cơ quan đề xuất phải rà soát VBQPPL do cơ quan nhà nước trung ương và nghị quyết của HĐND cùng cấp để xác định rõ nội dung, phạm vi giao quy định cụ thể).*

Sau khi có văn bản giao soạn thảo quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo thực hiện quy trình soạn thảo các bước tương tự theo hướng dẫn tại mục 1, Phần II Văn bản này.

Trên đây là nội dung hướng dẫn các bước xây dựng, ban hành VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh. Đề nghị các đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Văn phòng Sở để được hướng dẫn hoặc báo cáo Lãnh đạo Sở để xem xét, giải quyết./.

*Nơi nhận:*

- Như trên (thực hiện);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP. (Ngọc 5b)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Công Hàm**

